

Số: 219 /KH-UBND

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Về việc rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các công trình,
dự án chậm tiến độ, tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để xử lý vi phạm pháp luật về đất đai của tổ chức, cá nhân xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài;

Căn cứ Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ Quy định về cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 4689/STC-HTĐT ngày 28/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Kế hoạch triển khai như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã được cơ quan có thẩm quyền rà soát, xác định và đề xuất.

II. THỜI HẠN THỰC HIỆN

Kế hoạch này được triển khai thực hiện từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31/5/2031. Trường hợp đến hết ngày 31/5/2031 mà các cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội chưa kết thúc thì cơ quan được giao chủ trì triển khai thực hiện từng bước nội dung tháo gỡ cụ thể chịu trách nhiệm rà soát, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) về tiến độ triển khai tháo gỡ, xác định lý do chưa kết thúc việc tháo gỡ để UBND tỉnh xem xét việc tiếp tục triển khai theo quyết định đã ban hành.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Mục đích

- Việc xây dựng Kế hoạch nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội và Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026, Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; khơi thông nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, uy tín của hệ thống chính trị.

- Quy định trình tự, cơ chế phối hợp rà soát tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với nhóm các dự án tồn đọng, kéo dài thuộc thẩm quyền xử lý của địa phương, Trung ương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Xác định cụ thể mục tiêu, sản phẩm, thời hạn hoàn thành việc rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; Phân công trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình phối hợp rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đảm bảo nguyên tắc “6 rõ” là “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”.

2. Yêu cầu

Việc rà soát, xử lý các công trình chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài phải đảm bảo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gắn chặt giữa tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tiếp tục triển khai dự án với việc xem xét trách nhiệm và xử lý theo quy định (áp dụng cơ chế xử lý theo tinh thần Kết luận số 24-KL/TW ngày 13/4/2026 của Bộ Chính trị); đồng thời, làm rõ và xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan; không hợp pháp hóa sai phạm, không làm phát sinh sai phạm mới; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, người dân, doanh nghiệp; tăng cường phòng chống lãng phí, tiêu cực đảm bảo theo tinh thần Kết luận số 24-KT/TW, ngày 13/4/2026 của Bộ Chính trị về: “Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng kéo dài”. Cụ thể:

- Bám sát nội dung theo Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội và Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026, Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài; Thông báo số 162-TB/VPTU ngày 17/4/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban chỉ đạo 152 tỉnh tại buổi làm việc về rà soát, xử lý các dự án, công trình chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh; Thông báo số 02-TB/BCĐ ngày 07/5/2026 của Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 02 con số giai đoạn 2026-2030 tỉnh Đắk Lắk; Thông báo số 335-TB/TU ngày 08/5/2026 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 08/5/2026; Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 14/5/2026 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về đẩy mạnh công tác rà soát, xử lý các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng, kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí và xử lý các cơ sở nhà, đất, tài sản công dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh; Kết luận số 279-KL/TU ngày 22/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ Hai mươi (chuyên đề); Công văn số 1092-CV/TU ngày 25/5/2026 của Tỉnh ủy về việc rà soát, xử lý các dự án, công trình chậm tiến độ kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, nguy cơ thất thoát, lãng phí; Thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 21/6/2026 của Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế 02 con số giai đoạn 2026 – 2030;

- Việc triển khai Kế hoạch này phải đảm bảo khách quan, công khai; đúng tiến độ thời gian; có trọng tâm, trọng điểm.

- Kế hoạch này là cơ sở để các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện một cách hiệu quả, chất lượng, đúng trọng tâm, trọng điểm và thiết thực.

- Đối với những vấn đề, nội dung đã rõ, việc xử lý đã được quy định cụ thể thì các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xử lý, giải quyết theo thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình; khi cần có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị khác thì chủ động làm việc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để xử lý, giải quyết; những vấn đề, nội dung vướng mắc vượt thẩm quyền, chưa có quy định chi tiết thì báo cáo, tham mưu và đề xuất hướng giải quyết, xử lý cụ thể.

3. Mục tiêu

- 100% các dự án được rà soát, phân loại theo từng nhóm lĩnh vực, như: Nhóm các dự án có thể tháo gỡ, khó khăn được ngay; Nhóm các dự án phải xin ý kiến Trung ương; Nhóm các dự án phải thanh tra, kiểm tra; Nhóm các dự án thu hồi hoặc chấm dứt; Nhóm các dự án theo dõi đặc biệt.

- 100% các dự án sau khi rà soát, phân loại sẽ được xác định lộ trình xử lý trước ngày 15/6/2026;

- Phân đầu đến hết **Quý II** năm 2026 sẽ có **20%** tổng số dự án sẽ được tháo gỡ khó khăn để đủ điều kiện triển khai dự án để đạt tốc độ tăng trưởng là **9,16%**.

- Phân đầu đến hết **Quý III** năm 2026 sẽ có **60%** tổng số dự án sẽ được tháo gỡ khó khăn để đủ điều kiện triển khai dự án; **40%** các dự án không còn khả năng tiếp tục được chấm dứt. Bảo đảm hoàn thành mục tiêu đạt tỷ lệ giải ngân **54%** kế hoạch kế hoạch giao cho các dự án đầu tư; phân đầu tốc độ tăng trưởng, để đạt tốc độ tăng trưởng là **11,56%**.

- Phân đầu đến hết **Quý IV** năm 2026 sẽ có **100%** tổng số dự án sẽ được tháo gỡ khó khăn để đủ điều kiện triển khai dự án; **100%** các dự án không còn khả năng tiếp tục được chấm dứt. Bảo đảm hoàn thành mục tiêu đạt tỷ lệ giải ngân 100% kế hoạch kéo dài sang năm 2026 trước ngày 31/12/2026. Tối thiểu 95% kế hoạch vốn năm 2026 trước ngày 31/12/2026 và 100% kế hoạch vốn năm 2026 trước ngày 31/01/2027; để đạt tốc độ tăng trưởng là **11,71%**

3. Nguyên tắc thực hiện

- Đảm bảo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gắn chặt giữa tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tiếp tục triển khai dự án với việc xem xét trách nhiệm và xử lý theo quy định (*áp dụng cơ chế xử lý theo tinh thần Kết luận số 24-KL/TW ngày 13/4/2026 của Bộ Chính trị*).

- Bảo đảm đúng thẩm quyền, căn cứ, trình tự, thủ tục, thời hạn xử lý theo quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội và Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026, Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ, phù hợp các nguyên tắc của pháp luật hiện hành, không trái với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm không hợp thức hóa sai phạm, không để phát sinh sai phạm mới; kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân có hành vi lợi dụng việc thực hiện Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội và Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026, Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ để tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, bao che hành vi vi phạm.

- Bảo đảm phù hợp với thực tiễn khách quan, hoàn cảnh lịch sử cụ thể; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan, lợi ích chính đáng của bên thứ ba ngay tình; bảo đảm an ninh,

trật tự, an toàn xã hội.

- Chỉ xem xét, xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án mà nguyên nhân dẫn đến vi phạm, sai phạm do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước hoặc do lỗi của cả cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư, chủ đầu tư. Việc tháo gỡ vướng mắc cho các dự án hạn chế tối đa các khiếu kiện, nhất là các dự án có yếu tố nước ngoài; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bên thứ ba ngay tình.

- Việc áp dụng chính sách để tháo gỡ cho các dự án khó khăn, vướng mắc bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm nguyên tắc nhà đầu tư, chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, không ảnh hưởng tới an ninh, quốc phòng; bảo đảm năng lực, điều kiện thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

IV. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

Tổng số công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng, kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, có nguy cơ gây thất thoát và lãng phí trên địa bàn tỉnh là **396 công trình, dự án** (196/396 công trình, dự án ngoài ngân sách: 196/396; 200/396 công trình, dự án trong ngân sách và PPP). Trong 396 công trình, dự án, có 32/396 công trình, dự án đã được cập nhật lên **trên Hệ thống 751**; 364/396 công trình, dự án **ngoài Hệ thống 751**. Cụ thể nội dung triển khai như sau:

1. Đối với 32/396 công trình, dự án trên Hệ thống 751

Qua rà soát, trên Hệ thống 751 có **32 dự án** nêu trên, có: (1) **14 dự án** có nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách; (2) **13 dự án** đầu tư công; (3) **05 dự án** thực hiện theo hình thức PPP (04 dự án theo Hợp đồng BT và 01 dự án theo Hợp đồng BOT). Cụ thể như sau:

1.1. (Bước 1) Tổng hợp các công trình, dự án :

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính
- Cơ quan phối hợp rà soát, đề xuất: Các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư.
- Nội dung thực hiện: Tổng hợp đầy đủ các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí trên địa bàn tỉnh;
- Thời hạn triển khai và hoàn thành: Từ ngày 06/4/2026 đến ngày 15/5/2026.

(Bước này đã được hoàn thiện trước khi xây dựng Kế hoạch).

1.2. (Bước 2) Rà soát, phân loại nhóm dự án, đề xuất phương án xử lý

(Bước 2):

- Cơ quan chủ trì: 02 Tổ công tác của UBND tỉnh:

+ Tổ công tác tổng hợp, phân loại, kiểm tra, rà soát, theo dõi, đôn đốc việc xử lý các dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư công (bao gồm các dự án ODA và PPP) chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 27/05/2026);

+ Tổ công tác tổng hợp, phân loại, kiểm tra, rà soát, theo dõi, đôn đốc việc xử lý các dự án, công trình sử dụng vốn ngoài ngân sách chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, địa phương, các chủ đầu tư

- Nội dung thực hiện: Tập trung rà soát đầy đủ, toàn diện các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí, bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”: ***Rõ thông tin về công trình, dự án; rõ tình trạng dự án hiện nay; rõ nguyên nhân tồn đọng, chậm tiến độ, khó khăn, vướng mắc; rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan; rõ nhiệm vụ, giải pháp xử lý; rõ thời hạn hoàn thành.*** Trên cơ sở đó, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên Tổ công tác, xác định rõ tiến độ, lộ trình, phương thức thực hiện và thời hạn xử lý đối với từng nhóm công trình, dự án làm cơ sở tập trung xử lý dứt điểm.

- Thời hạn triển khai và hoàn thành: **Từ ngày 13/5/2026 đến ngày 30/5/2026.**

(Bước này đã được hoàn thiện trước khi xây dựng Kế hoạch).

1.3. (Bước 3) Tổ chức triển khai thực hiện xử lý khó khăn, vướng mắc các dự án:

1.3.1. Nhóm dự án xử lý tháo gỡ được ngay (Nhóm 1 trên Hệ thống 751): 15/32 dự án

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Thành viên Tổ Công tác là Lãnh đạo các Sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát, phân loại, xử lý tháo gỡ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

- Nội dung thực hiện: Tham mưu UBND tỉnh tập trung chỉ đạo tháo gỡ các vướng mắc về giải phóng mặt bằng, xử lý nghĩa vụ tài chính và hoàn trả các khoản nhà đầu tư đã nộp theo quy định để giải quyết dứt điểm các tồn tại, tạo cơ sở để kết thúc việc theo dõi đối với các dự án này trên Hệ thống 751.

- Kết quả thực hiện: Quyết định của UBND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án; điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án.

- Thời gian hoàn thành: **Trong quý II năm 2026.**

1.3.2. Nhóm dự án áp dụng chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội (Nhóm 2 trên Hệ thống 751): 03/32 dự án, cụ thể:

- Có **02/03** dự án¹ đầu tư ngoài ngân sách đã lựa chọn nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đã được cơ quan nhà nước ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất đối với một phần hoặc toàn bộ khu đất thực hiện dự án (*áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 29/2026/QH16*).

- Có **01/03** dự án² đầu tư ngoài ngân sách vi phạm về lựa chọn nhà đầu tư, về quản lý, sử dụng đất và Nhóm các dự án đầu tư trên khu đất mà Nhà nước đã thu hồi đất không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật (*áp dụng Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 29/2026/QH16*).

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Thành viên Tổ Công tác là Lãnh đạo các Sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát, phân loại, xử lý tháo gỡ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

- Nội dung thực hiện: Việc triển khai tháo gỡ đối với nhóm 03 dự án áp dụng Nghị quyết số 29/2026/QH16 được thực hiện trình tự, thủ tục quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026 của Chính phủ; cụ thể thông qua 06 bước gồm: (1) Bước 1: Rà soát, đánh giá dự án có thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội; (2) Bước 2: Rà soát điều kiện được tiếp tục thực hiện dự án; (3) Bước 3: Giải quyết thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư; (4) Bước 4: Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và xác định lại các nghĩa vụ tài chính liên quan sau khi UBND tỉnh quyết định tiếp tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư; (5) Bước 5: Nhà đầu tư nộp bổ sung các nghĩa vụ tài chính liên quan; (6) Bước 6: Theo dõi, đôn đốc dự án triển khai các thủ tục tiếp theo.

- Kết quả thực hiện: Quyết định của UBND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án; điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án.

- Thời gian hoàn thành: **Trong quý IV năm 2026.**

1.3.3. Nhóm các dự án thuộc thẩm quyền xử lý của Chính phủ, Thủ tướng

¹ (1) Dự án Khu đô thị mới Bắc Lục Khẩu (khu A) của Công ty TNHH MTV Việt Long Phú Yên; (2) Dự án Đô thị sinh thái văn hóa cà phê Suối Xanh của Công ty Cổ phần đầu tư Trung Nguyên.

² Dự án Khu du lịch liên hợp cao cấp New City Việt Nam của Công ty TNHH New City Việt Nam.

Chính phủ, Bộ ngành (Nhóm 4 trên Hệ thống 751): 09/32 dự án

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Thành viên Tổ Công tác là Lãnh đạo các Sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát, phân loại, xử lý tháo gỡ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

- Nội dung thực hiện: UBND tỉnh đã chủ động nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý và kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo 751, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Việc chủ động nhận diện đầy đủ các khoảng trống pháp luật, đồng thời đề xuất cơ chế xử lý cụ thể sẽ góp phần tháo gỡ không chỉ cho các dự án của tỉnh Đắk Lắk mà còn có ý nghĩa tham khảo đối với nhiều địa phương khác có tình trạng tương tự. Đối với các nội dung còn vượt thẩm quyền, UBND tỉnh đề nghị Ban Chỉ đạo 751, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương tiếp tục hướng dẫn, tháo gỡ các vướng mắc về... nhằm bảo đảm địa phương có cơ sở pháp lý để xử lý dứt điểm các dự án theo đúng quy định.

- Thời gian hoàn thành: **Trong quý IV năm 2026.**

1.3.4. Nhóm các dự án PPP, BT được áp dụng Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP, ngày 07/4/2026 của Chính phủ để xử lý, tháo gỡ (Nhóm 6 trên hệ thống 751): 05/32 dự án

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Thành viên Tổ Công tác là Lãnh đạo các Sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát, phân loại, xử lý tháo gỡ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan.

- Nội dung thực hiện: Chính phủ ban hành Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP, Nghị định số 122/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để xử lý các tồn tại phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Do đó, các Sở, ngành tham mưu UBND tỉnh khẩn trương rà soát toàn bộ hồ sơ, phân công cơ quan tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước đây, đồng thời phối hợp với nhà đầu tư và các cơ quan liên quan để xử lý theo đúng quy định.

- Thời gian hoàn thành: **Trong quý IV năm 2026.**

1.4. (Bước 4) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện:

- Cơ quan chủ trì tổng hợp: Sở Tài chính;

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư.

- Nội dung thực hiện: Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác tháo

gỡ khó khăn, vướng mắc đối với công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Thời hạn triển khai và hoàn thành: **Từ ngày 27/12/2026 đến hết ngày 31/12/2026.**

(Chi tiết tại Phụ lục Ia, Ib kèm theo)

2. Đối với 364/396 dự án ngoài Hệ thống 751 (thuộc thẩm quyền của địa phương (182 dự án ngoài ngân sách, 182 dự án đầu tư trong ngân sách).

2.1. (Bước 1) Tổng hợp các công trình, dự án:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính
- Cơ quan phối hợp rà soát, đề xuất: Các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư.
- Nội dung thực hiện: Tổng hợp đầy đủ các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí trên địa bàn tỉnh;
- Thời hạn triển khai và hoàn thành: **Từ ngày 06/4/2026 đến ngày 15/5/2026.**

(Bước này đã được hoàn thiện trước khi xây dựng Kế hoạch).

2.2. (Bước 2) Rà soát, phân loại nhóm dự án, đề xuất phương án xử lý :

- Cơ quan chủ trì: 02 Tổ công tác của UBND tỉnh:
 - + Tổ công tác tổng hợp, phân loại, kiểm tra, rà soát, theo dõi, đôn đốc việc xử lý các dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư công (bao gồm các dự án ODA và PPP) chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 27/05/2026);
 - + Tổ công tác tổng hợp, phân loại, kiểm tra, rà soát, theo dõi, đôn đốc việc xử lý các dự án, công trình sử dụng vốn ngoài ngân sách chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh;
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban, ngành, địa phương, các chủ đầu tư
- Nội dung thực hiện: Tập trung rà soát đầy đủ, toàn diện các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, có khó khăn, vướng mắc, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí, bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”: **Rõ thông tin về công trình, dự án; rõ tình trạng dự án hiện nay; rõ nguyên nhân tồn đọng, chậm tiến độ, khó khăn, vướng mắc; rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan; rõ nhiệm vụ, giải pháp xử lý; rõ thời hạn hoàn thành.** Trên cơ sở đó, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên Tổ công tác, xác định rõ tiến độ,

lộ trình, phương thức thực hiện và thời hạn xử lý đối với từng nhóm công trình, dự án làm cơ sở tập trung xử lý dứt điểm.

- Thời hạn triển khai và hoàn thành: **Từ ngày 13/5/2026 đến ngày 30/5/2026.**

(Bước này đã được hoàn thiện trước khi xây dựng Kế hoạch).

2.3. (Bước 3) Tổ chức triển khai thực hiện xử lý khó khăn, vướng mắc các dự án:

Qua rà soát, trên địa bàn tỉnh có 364 dự án có khó khăn, vướng mắc ngoài Hệ thống 751, gồm: 182 dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách và 182 dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách. Cụ thể:

2.3.1. Nhóm dự án xử lý tháo gỡ được ngay (200/364 dự án, trong đó: 29 dự án ngoài ngân sách; 171 dự án trong ngân sách)

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Thành viên Tổ Công tác là Lãnh đạo các Sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát, phân loại, xử lý tháo gỡ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định

- Cơ quan phối hợp rà soát, đề xuất: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư.

- Nội dung thực hiện: Các cơ quan đơn vị tổ chức triển khai giải quyết các khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các đơn vị, chủ đầu tư để dự án được triển khai trong Quý II năm 2026.

- Kết quả thực hiện: Quyết định của UBND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án; điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án.

- Thời gian hoàn thành: **Trong quý II năm 2026.**

2.3.2. Nhóm dự án đã có phương án xử lý (164/364 Dự án)

2.3.2.1. Nhóm dự án (07/164 dự án) đã có phương án xử lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương (02 dự án trong ngân sách, 05 dự án ngoài ngân sách).

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Thành viên Tổ Công tác là Lãnh đạo các Sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát, phân loại, xử lý tháo gỡ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cơ quan phối hợp rà soát, đề xuất: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư.

- Nội dung thực hiện: Các cơ quan đơn vị tổ chức triển khai giải quyết các

khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các đơn vị, chủ đầu tư để dự án được triển khai trong Quý IV năm 2026.

- Kết quả thực hiện: Quyết định của UBND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án; điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án.

- Thời gian hoàn thành: **Trong quý IV năm 2026.**

2.3.2.2. Nhóm dự án (157/164 dự án) đã có phương án xử lý thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương (09 dự án trong ngân sách, 148 dự án ngoài ngân sách)

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính, Thành viên Tổ Công tác là Lãnh đạo các Sở, ban, ngành có trách nhiệm rà soát, phân loại, xử lý tháo gỡ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cơ quan phối hợp rà soát, đề xuất: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư.

- Nội dung thực hiện: UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ pháp lý, tổ chức thanh tra, kiểm tra, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan, tạo cơ sở để xem xét áp dụng cơ chế đặc thù ngay sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

- Kết quả thực hiện: Quyết định của UBND tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện dự án; điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án.

- Thời gian hoàn thành: **Trong quý IV năm 2026.**

2.4. (Bước 4) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện :

- Cơ quan chủ trì tổng hợp: Sở Tài chính;

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư.

- Nội dung thực hiện: Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Thời hạn triển khai và hoàn thành: **Từ ngày 27/12/2026 đến hết ngày 31/12/2026.**

(Chi tiết tại Phụ lục IIa, IIb kèm theo)

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương:

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Định kỳ hằng tháng UBND tỉnh công khai danh sách

các đơn vị, chủ đầu tư hoàn thành tốt, danh sách đơn vị chậm tiến độ theo Kế hoạch; công khai danh mục dự án đã hoàn thành, chậm tiến độ và nguyên nhân.

- Không xem xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ xử lý các khó khăn, vướng mắc liên quan đến dự án mà không có lý do khách quan.

- Là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm của người đứng đầu.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ chung

- Các sở, ban, ngành, địa phương, các Tổ công tác có liên quan đề cao trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội, Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026, Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ; Thông báo số 162-TB/VPTU ngày 17/4/2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban chỉ đạo 152 tỉnh tại buổi làm việc về rà soát, xử lý các dự án, công trình chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí; đẩy nhanh triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm tiến độ hoàn thành theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; tiếp tục tổ chức rà soát các dự án, xác định vấn đề vướng mắc, bảo đảm không để xảy ra trường hợp còn có dự án tồn đọng, kéo dài nhưng không được tổng hợp, xem xét xử lý, tháo gỡ.

- Trong quá trình rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài, trường hợp phát hiện các tình huống pháp lý tương tự được quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội nhưng chưa được tổng hợp vào Danh mục các dự án tồn đọng, kéo dài để UBND tỉnh phê duyệt, các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, bổ sung vào Danh mục và triển khai trình tự, thủ tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội, Nghị định số 147/2026/NĐ-CP ngày 07/5/2026, Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch này.

- Trước thời điểm Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội được ban hành, trường hợp phát sinh các tình huống pháp lý chưa được quy định tại Nghị quyết này, các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để trình Cơ quan Trung ương đề

xuất cơ chế nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29/2026/QH16, Nghị định số 147/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 này, không để phát sinh tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, không hợp thức hoá các vi phạm, không để phát sinh sai phạm mới, không để xảy ra việc trục lợi chính sách, lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này (6 tháng đầu năm và cuối năm).

- Định kỳ trước **16** giờ hằng ngày các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư gửi báo cáo tiến độ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; định kỳ ngày **thứ Sáu** hằng tuần và trước ngày **28 hằng tháng** các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư báo cáo tiến độ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính

- Là cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này. Thiết lập Dashboard để theo dõi 396 dự án; mỗi dự án có hồ sơ điện tử, mã số quản lý riêng, xác định rõ cơ quan chủ trì, thời hạn hoàn thành, lãnh đạo phụ trách và kết quả xử lý.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện đối với từng dự án, xác định rõ tồn tại, yếu kém ở từng khâu để có giải pháp kịp thời xử lý; phân loại dự án theo mức độ để kịp thời tham mưu xử lý.

- Định kỳ hằng ngày tổng hợp, gửi báo cáo tiến độ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án của các đơn vị, chủ đầu tư để báo cáo UBND tỉnh; định kỳ ngày thứ Sáu hằng tuần; sau khi các chủ đầu tư báo cáo hằng tháng, trong thời hạn 02 ngày, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo tiến độ gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án các đơn vị, chủ đầu tư để báo cáo UBND tỉnh họp và chỉ đạo; Định kỳ hằng quý, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện; các khó khăn, vướng mắc (nếu có) và dự kiến công việc của quý tiếp theo để báo cáo UBND tỉnh họp xem xét, kiểm điểm trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư chậm tiến độ theo Kế hoạch.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh

- Chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc thuộc trách nhiệm, phạm vi và lĩnh vực của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh.

- Kịp thời phối hợp với Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện; các khó khăn, vướng mắc (nếu có) và dự kiến công việc của quý tiếp theo.

4. Các sở, ban, ngành, địa phương, các chủ đầu tư được giao là cơ quan chủ trì triển khai các bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong Kế hoạch này

- Phân công 01 đồng chí lãnh đạo trực tiếp phụ trách, theo dõi xuyên suốt nội dung này; xây dựng danh mục công trình dự án thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp chặt chẽ với bộ phận chuyên trách (do UBND tỉnh thành lập), các cơ quan chuyên môn và địa phương liên quan để kiểm tra thực địa, rà soát hồ sơ, xác định vướng mắc, trách nhiệm và đề xuất phương án xử lý theo quy định.

- Chủ động xây dựng Kế hoạch cụ thể (nếu cần thiết) để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc được giao là cơ quan chủ trì triển khai các bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong Kế hoạch này.

- Kịp thời phối hợp với Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện; các khó khăn, vướng mắc (nếu có) và dự kiến công việc của quý tiếp theo.

5. Các sở, ban, ngành, địa phương được giao là cơ quan phối hợp

- Phân công 01 đồng chí lãnh đạo trực tiếp phụ trách, theo dõi xuyên suốt nội dung này; kịp thời phối hợp với cơ quan chủ trì để rà soát, triển khai thực hiện việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án.

- Nội dung phối hợp cần đảm bảo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của cơ quan chủ trì. Trong trường hợp nội dung đề nghị phối hợp không thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đề nghị nêu rõ và đề xuất cơ quan có trách nhiệm thực hiện nội dung đó.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp; định kỳ ngày 28 hằng tháng báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện, đồng thời đề xuất điều chỉnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, điều chỉnh.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với 396 công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện. *lhx*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; | (để b/c)
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các CQTW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT (b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Công Thái

